

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ

Bản án số: 63/2024/HNGĐ-ST
Ngày 09-8-2024
V/v: Xác định cha cho con

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Chiên

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Phạm, bà Bùi Thị Hào

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Thành Long - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Hoa - Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 112/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2024 về việc “Xác định cha cho con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hoài B - sinh năm 1997

Địa chỉ: Khu G, xã A, huyện P, tỉnh Phú Thọ

Bị đơn: Anh Lê Văn T - sinh năm 1997

Địa chỉ: Khu G, xã A, huyện P, tỉnh Phú Thọ

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Nguyễn Minh T1 năm 1994

Địa chỉ: Xóm A, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An

(Hiện anh T2 đang lao động tại Đài Loan)

(Các đương sự đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hoài B trình bày:

Chị và anh Nguyễn Minh T3 đăng ký kết hôn ngày 14/11/2016 tại UBND xã N, tỉnh Nghệ An. Khi kết hôn hai bên tự nguyện, không bị ép buộc. Chị và anh T3 có một con chung là Nguyễn Minh Q năm 2017. Năm 2019 chị và anh

T1 đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, trong thời gian này thì phát sinh mâu thuẫn nên vợ chồng sống ly thân. Do mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên chị và anh T3 ly hôn. Tại bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 109/2024/HNGĐ-ST ngày 02/4/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đã xử cho chị được ly hôn anh Nguyễn Minh T4 là người nuôi cháu Nguyễn Minh Q1 ra bản án còn tuyên án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 12/7/2023 chị có sinh một cháu gái. Khi ly hôn với anh T1 thì chị không đề nghị Tòa án giải quyết, vì cháu gái này là con riêng của chị với anh Lê Văn T5. Sau khi sinh con thì chị chưa làm thủ tục khai sinh cho cháu vì chị và anh T1 chưa ly hôn. Để có căn cứ xác định anh Lê Văn T6 cha đẻ của cháu gái thì chị đã đề nghị giám định AND huyết thống giữa anh Lê Văn T7 cháu gái do chị sinh ra. Tại kết quả phân tích AND huyết thống mã SID 240424-190000138237 ngày 26/4/2024 của Phòng khám Đ- Công ty TNHH M kết luận: “Anh Lê Văn T - sinh năm 1993, địa chỉ: Xã A, huyện P, tỉnh Phú Thọ và cháu bé, giới tính nữ, sinh ngày 12/7/2023 có quan hệ huyết thống cha - con gái”. Chị đề nghị Tòa án giải quyết xác định anh Lê Văn T6 cha đẻ của cháu bé, giới tính nữ, sinh ngày 12/7/2023 do chị sinh ra.

Bị đơn anh Lê Văn T8 bày: Năm 2019 anh đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Khi sang Đài Loan thì anh có quen biết chị Nguyễn Thị Hoài B1 điếm đó anh không biết chị B2 có chồng là anh Nguyễn Minh T3 nên anh đã nảy sinh tình cảm yêu chị B. Ngày 12/7/2023, chị B sinh một cháu gái. Anh xác định chị B3 cháu gái ngày 12/7/2023 là con của anh và chị B, do chị B4 anh T1 chưa ly hôn nên anh và chị B5 làm thủ tục khai sinh cho cháu được. Nay chị B đề nghị Tòa án xác định anh và cháu gái do chị B3 ra ngày 12/7/2023 là cha con thì anh nhất trí.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Minh T3 đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc nên không có bản tự khai. Tòa án tiến hành lấy lời khai của bà Nguyễn Thị T9 mẹ đẻ của anh T1 nội dung lấy lời khai như sau:

Bà và anh Nguyễn Minh T10 mẹ con, hiện anh T1 đang đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Anh Nguyễn Minh T11 chị Nguyễn Thị Hoài B6 vợ chồng, có một con chung là Nguyễn Minh Q2 sinh năm 2017. Trong thời kỳ hôn nhân, chị B7 con riêng với anh T12 chị B7 con riêng thì anh T1 cũng biết, vì trong thời gian anh T1 và chị B8 xuất khẩu lao động tại Đài Loan thì anh T1 và chị B9 ra mâu thuẫn nên đã sống ly thân. Trong thời gian sống ly thân thì chị B7 quen biết anh T13 chị B4 anh T14 con chung với nhau. Tháng 4/2024 Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đã giải quyết ly hôn giữa anh T1 và chị B, giải quyết con chung là cháu Nguyễn Minh Q3 cháu gái của chị B3 ra thì không giải quyết vì không phải là con chung của chị B4 anh T3.

Bà có nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án để tổng đạt cho anh T1. Do anh T1 đang lao động tại Đài Loan nên bà đã thông báo cho anh T1 biết thời gian và địa điểm đến Tòa án giải quyết việc chị B đề nghị xác định anh T6 cha đẻ của cháu gái do chị B3 ra trong thời kỳ hôn nhân với anh T3. Sau khi thông báo cho anh T1 biết thì anh T1 nói lại là anh T1 nhất trí với yêu cầu khởi kiện của chị B vì

cháu gái này không phải là con của anh T3, do anh T3 đang làm ở Đài Loan nên không thể đến Tòa án giải quyết được, anh T1 đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh theo quy định của pháp luật. Do anh T15 nói cho bà biết địa chỉ của anh T1 nên bà đề nghị là các văn bản tố tụng của Tòa án tổng đạt cho anh T1 thì gửi cho bà sau đó bà thông báo cho anh T1 biết.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện việc thụ lý, thông báo thụ lý đúng quy định tại Điều 195, Điều 196 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết, thời hạn giải quyết và quyết định đưa vụ án ra xét xử: Tòa án không tiến hành hòa giải do bị đơn đang ở nước ngoài, Tòa đã tiến hành thông báo về phiên họp công khai chứng cứ theo đúng trình tự quy định tại các Điều 209, Điều 210 và Điều 211 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã giải quyết vụ án trong thời hạn chuẩn bị xét xử quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự và quyết định đưa vụ án ra xét xử theo Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký ghi biên bản phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, còn người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp hành các quy định của pháp luật.

Áp dụng khoản 2 Điều 88; khoản 1 Điều 91; khoản 2 Điều 101; điểm a khoản 3 Điều 102 của Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 28; Điều 35; Điều 37; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Xác định anh Lê Văn T16 năm 1993, địa chỉ: Khu G, xã A, huyện P, tỉnh Phú Thọ là cha đẻ của cháu bé, giới tính nữ, sinh ngày 12/7/2023 do chị Nguyễn Thị Hoài B10 ra.

Về án phí: Anh Lê Văn T17 chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho chị Nguyễn Thị Hoài B

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Hoài B đề nghị Tòa án giải quyết xác định anh Lê Văn T6 cha đẻ của con gái do chị sinh ra. Trong vụ án có anh Nguyễn Minh T10 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng hiện nay đang ở Đài Loan. Chị B và anh T đều đăng ký hộ khẩu tại xã A, huyện P, tỉnh Phú Thọ. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ theo quy định tại khoản 4 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Nguyễn Văn T18 đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc và vắng mặt phiên tòa lần hai. Chị Nguyễn Thị Hoài B và anh Lê Văn T đều đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị Hoài B, anh Lê Văn T và anh Nguyễn Văn T18.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Nguyễn Thị Hoài B và anh Nguyễn Minh T3 đăng ký kết hôn ngày 14/11/2016 tại UBND xã N, tỉnh Nghệ An, có một con chung là Nguyễn Minh Q2- sinh năm 2017. Năm 2024 chị Nguyễn Thị Hoài B11 anh Nguyễn Minh T19 hôn. Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 109/2024/HNGĐ-ST ngày 02/4/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đã xử cho chị Nguyễn Thị Hoài B12 ly hôn anh Nguyễn Minh T20 con chung là Nguyễn Minh Q4 chị Nguyễn Thị Hoài B13 tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Trong thời kỳ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Hoài B11 anh Nguyễn Minh T3, ngày 12/7/2023 chị Nguyễn Thị Hoài B10 một cháu gái nhưng khi Tòa án giải quyết ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Hoài B11 anh Nguyễn Minh T3 thì các đương sự không ai đề giải quyết đối với cháu gái. Chị Nguyễn Thị Hoài B11 anh Lê Văn T21 xác định anh Lê Văn T6 cha đẻ của cháu gái do chị Nguyễn Thị Hoài B10 ra; anh Nguyễn Minh T22 xác định ngày 12/7/2023 chị Nguyễn Thị Hoài B10 một cháu gái nhưng không phải là con của anh. Tại kết quả phân tích AND huyết thống mã SID 240424-190000138237 ngày 26/4/2024 của Phòng khám ĐCông ty T23 kết luận: “Anh Lê Văn T7 cháu bé, giới tính nữ, sinh ngày 12/7/2023 có quan hệ huyết thống cha - con gái”. Xét đề nghị của Viện kiểm sát đối với yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H B là có căn cứ nên được chấp nhận. Vì vậy, xác định anh Lê Văn T6 cha đẻ của cháu bé, giới tính nữ, sinh ngày 12/7/2023 do chị Nguyễn Thị Hoài B10 ra nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hoài B

[3] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hoài B12 chấp nhận nên anh Lê Văn T17 chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Chị Nguyễn Thị Hoài B đã nộp tạm ứng án phí nên được hoàn trả lại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 88; khoản 1 Điều 91; khoản 2 Điều 101; điểm a khoản 3 Điều 102 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hoài B về xác định cha cho con.

Xác định anh Lê Văn T - sinh năm 1993, địa chỉ: Khu G, xã A, huyện P, tỉnh Phú Thọ là cha đẻ của cháu bé, giới tính nữ, sinh ngày 12/7/2023 do chị Nguyễn Thị Hoài B10 ra (Theo giấy chứng sinh số 750, quyển: GCS.01 của Trung tâm y tế huyện P).

3. Về án phí: Buộc anh Lê Văn T17 chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị Hoài B14 tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000200 ngày 21/6/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Cục THADS tỉnh Phú Thọ;
- UBND xã An Đạo, huyện Phù Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Khắc Chiên